

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 29/01/2021
V/v: *Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Tính; bà Trịnh Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2020, về việc “ *Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021, ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn Th - sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn Th kết hôn với nhau ngày 03/7/2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th không chịu khó tu chí làm ăn, chị phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi các con ăn học, nhưng anh Th vẫn rượu chè, cờ bạc dẫn đến nợ nần, kinh tế gia đình khó khăn. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Th.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu Bùi Thị Thu H – sinh 03/10/2009 và cháu Bùi Quốc H – sinh 10/5/2013. Cả hai cháu hiện vẫn ở với anh Th và bà nội, do điều kiện chị đi làm ăn, chưa có nhà riêng để ổn định cho việc học

tập, sinh hoạt của các cháu, chị nhất trí để anh Th nuôi cả hai cháu, chị cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th là 2.000.000đ/ 01 tháng cho cả 02 cháu.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Th trong biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2020 trình bày: anh và chị Bùi Thị H kết hôn với nhau ngày 03/7/2008, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Về con cái : Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thu H – sinh ngày 03/10/2009 và cháu Bùi Quốc H – sinh ngày 10/5/2013. Cả hai cháu hiện vẫn đang ở với anh và bà nội. Để đảm bảo cho các cháu ổn định cuộc sống, anh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu đến tuổi thành niên, chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh cho cả 02 cháu là 2.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Bùi Thị Thu H và cháu Bùi Quốc H có đơn trình bày có nguyện vọng ở với bố là anh Bùi Văn Th.

Theo biên bản xác minh tại xã C thì chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã C. Anh Th làm nghề tự do, còn chị H cũng đi làm ăn thỉnh thoảng mới về, mâu thuẫn vợ chồng thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, các con của anh chị vẫn ở với anh Th và bà nội, được chăm sóc và đi học đầy đủ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27; điểm a, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh Th; Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Thu H và cháu Bùi Quốc H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th; Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: chị H phải chịu án phí DSST và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Bùi Văn Th có hộ khẩu thường trú tại: Thôn P, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh Th theo quy định tại khoản 1 điều 228 và điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị H và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 – Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh Th phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 51; điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Bùi Thị Thu H – sinh ngày 03/10/2009 và cháu Bùi Quốc H – sinh 10/3/2013. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với anh Th, chị H cũng nhất trí, do vậy để ổn định về tâm lý cũng như đảm bảo cho các cháu có điều kiện về sinh hoạt, học tập nên giao hai cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th là phù hợp.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117- Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung: cháu Bùi Thị Thu H – sinh 03/10/2009 và cháu Bùi Quốc H – sinh 10/3/5/2013. Giao cả hai cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Th 2.000.000đ/01 tháng cho cả 02 cháu (mỗi cháu 1.000.000đ) cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên theo định kỳ hàng tháng, thời điểm thi hành kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003309 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H còn phải nộp 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị H, anh Bùi Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Thi hành án DS huyện C
- UBND xã C
- Các cơ quan hữu quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh